| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>XÃ KIM THÀNH | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 4150 /BC-UBND | *Kim Thành, ngày 07 tháng 10 năm 2026* |

# BÁO CÁO
## Thực hiện công khai dự toán thu, chi ngân sách Quý 3 năm 2026

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Ủy ban nhân dân xã Kim Thành công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý 3 năm 2026 như sau:

**1. Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước quý 3 năm 2026.**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | Nội dung | Dự toán năm 2026 | Ước thực hiện quý 3 năm 2026 | Ước thực hiện/Dự toán năm (Tỷ lệ %) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1* | *2* | *3=2/1* | *4* |
| **A** | **THU TRÊN ĐỊA BÀN** | **586.189** | **556.404** | **94,9** | |
| **I** | **Thu ngân sách NN** | **353.610** | **276.955** | **78,3** | |
| 1 | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế) | 24.580 | 28.981 | 117,9 | |
| 2 | Lệ phí trước bạ | 14.400 | 11.197 | 77,8 | |
| 3 | Phí và lệ phí | 780 | 450 | 57,7 | |
| 4 | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 1.320 | 812 | 61,5 | |
| 5 | Thuê tiền thuê đất | 2.000 | 827 | 41,4 | |
| 6 | Thu tiền sử dụng đất | 309.230 | 193.644 | 62,6 | |
| 7 | Thu khác ngân sách | 350 | 40.887 | 11.682,0 | |
| 8 | Thu hoa lợi công sản | 950 | 157 | 16,5 | |
| **II** | **Tạm thu ngân sách** | | **30.000** | | |
| **III** | **Thu kết dư ngân sách** | | **276** | | |
| **IV** | **Thu chuyển nguồn ngân sách** | | **22.148** | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **V** | **Thu bổ sung ngân sách cấp trên** | **232.579** | **227.025** | **97,6** | |
| **B** | **TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ** | **382.927** | **380.379** | **99,3** | |
| **I** | **Thu theo tỷ lệ điều tiết** | **147.228** | **99.237** | 67,4 | |
| 1 | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế) ( xã 54%) | 13.252 | 15.636 | 118,0 | |
| 2 | Lệ phí trước bạ (xã 50%) | 8.784 | 7.935 | 90,3 | |
| 3 | Thu tiền thuê đất ( xã 40%) | 800 | 331 | 41,4 | |
| 4 | Thu tiền sử dụng đất ( xã 40%) | 124.392 | 75.335 | 60,6 | |
| **II** | **Thu ngân sách xã được hưởng 100%** | **3.120** | **1.693** | 54,3 | |
| 1 | Phí và lệ phí | 780 | 304 | 39,0 | |
| 2 | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 1.320 | 812 | 61,5 | |
| 3 | Thu khác ngân sách | 70 | 420 | 600,0 | |
| 4 | Thù từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản | 950 | 157 | 16,5 | |
| **III** | **Tạm thu ngân sách** | | **30.000** | | |
| **IV** | **Thu kết dư ngân sách** | | **276** | | |
| **V** | **Thu chuyển nguồn ngân sách** | | **22.148** | | |
| **VI** | **Thu bổ sung ngân sách cấp trên** | **232.579** | **227.025** | 97,6 | |

## 2. Tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách quý 3 năm 2026.

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | Nội dung | Dự toán năm 2026 | Ước thực hiện quý 3 năm 2026 | Ước thực hiện/Dự toán năm (Tỷ lệ %) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1* | *2* | *3=2/1* | *4* |
| **A** | **TỔNG CHI NGÂN SÁCH (I+II+III+IV+V)** | **382.927** | **344.174** | **89,9** | |
| **I** | **CHI ĐẦU TƯ XDCB** | **124.392** | **123.307** | **99,1** | |
| 1 | Chi đầu tư XDCB | 124.392 | 123.307 | 99,1 | |
| **II** | **CHI THƯỜNG XUYÊN** | **245.442** | **220.867** | **90,0** | |
| 1 | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo | 132.686 | 118.124 | 89,0 | |
| 2 | Chi khoa học và công nghệ | 357 | 117 | 32,8 | |
| 3 | Chi Quốc phòng | 3.410 | 3.828 | 112,3 | |
| 4 | Chi An ninh | 3.229 | 2.531 | 78,4 | |
| 5 | Chi y tế dân số và gia đình | 6.399 | 4.711 | 73,6 | |
| 6 | Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin | 1.821 | 2183 | 119,9 | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình TT | 333 | 59 | 17,7 | |
| 8 | Chi sự nghiệp thể dục - Thể thao | 382 | 109 | 28,5 | |
| 9 | Chi bảo vệ môi trường | 3.240 | 2.534 | 78,2 | |
| 10 | Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính | 9.250 | 5.613 | 60,7 | |
| 11 | Chi sự nghiệp nông nghiệp | 2.094 | 521 | 24,9 | |
| 12 | Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước Đảng, đoàn thể | 35.804 | 37.217 | 103,9 | |
| 13 | Chi đảm bảo xã hội | 45.188 | 43.320 | 95,9 | |
| 14 | Chi khác | 1.249 | | 0,0 | |
| **III** | **CHI NỘP TRẢ NS CẤP TRÊN** | | | | |
| **IV** | **DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH** | **7.508** | | **0,0** | |
| **V** | **TIẾT KIỆM CHI TX 10%** | **5.585** | | **0,0** | |

Kèm theo thuyết minh kết quả thực hiện thu, chi ngân sách quý 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Kim Thành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

U.B.N.D XÃ KIM THÀNH T.P HẢI PHÒNG

**Nguyễn Văn Nghiệp**